

Số: 3222a/BC-BCĐ

Kiên Giang, ngày 17 tháng 9 năm 2021

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút
SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid -19 đợt 1 & 2
và Kế hoạch điều chỉnh thực hiện xét nghiệm SARS-COV-2 đợt 3**

Phần 1

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút
SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid -19 đợt 1 & 2**

Căn cứ kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ và UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 đã phối hợp các địa phương tổ chức triển khai thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 đợt 1 và đợt 2 kết quả thực hiện, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC SARS-COV-2 ĐỢT 1

1. Xét nghiệm sàng lọc RT-PCR

- **Thời gian thực hiện:** theo kế hoạch, đợt 1 được tiến hành từ ngày 18/8/2021 đến ngày 23/8/2021

- Số mẫu lấy sàng lọc SARS-COV-2

Qua công tác triển khai thực hiện theo Kế hoạch đợt 1, tính từ ngày 18/8 đến 25/8/2021, 15 huyện/thành phố đã tổ chức lấy mẫu xét nghiệm được **53.362** mẫu gộp (10 người/ống) đạt 74,2%, lấy mẫu cho **524.190** người dân trên địa bàn tỉnh đạt 72,97% (chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm)

- Kết quả xét nghiệm:

Tính đến ngày 28/8/2021, tại CDC ghi nhận tổng số mẫu đã nhận từ các huyện là **53.153** mẫu gộp (10 người/ống) đạt 73,99%, tương đương với **522.574** người đạt 72,7% kế hoạch. CDC đã tiến hành chạy xét nghiệm và trả lời kết quả được **53.055** mẫu gộp (10 người/ống), tương ứng 522.389 người đạt **99%**. Trong đó, ghi nhận những mẫu xét nghiệm có kết quả dương tính, như sau:

Tổng số 115 ống gộp dương gồm 1.084 trường hợp. Trong đó đã giải gộp 92 ống, gồm 860 trường hợp ghi nhận 174 ca dương tính, gồm

+ **TP Rạch Giá:** giải gộp 67 ống gồm 617 trường hợp ghi nhận **136** ca dương tính trong đó: Vĩnh Lạc 67, Vĩnh Quang 23, Vĩnh Thanh 22, Vĩnh Hiệp 08, Vĩnh Bảo 07, An Hòa 07, Vĩnh Lợi 01, Phi Thông 01

+ **Vĩnh Thuận:** giải gộp 08 ống gồm 79 trường hợp ghi nhận **07** ca dương tính trong đó: Phong Đông 04, Tân Thuận 02, Thị Trấn 01

+ **Châu Thành:** giải gộp 11 ống gồm 104 trường hợp ghi nhận **19** ca dương tính trong đó: Thạnh Lộc 08, Vĩnh Hòa Hiệp 06, Mong Thọ B 03, Giục Tượng 02.

+ **Giồng Riềng :** giải gộp 05 ống gồm 50 trường hợp ghi nhận **12** ca dương tính Bàn Tân Định

+ **Gò Quao :** giải gộp 01 ống gồm 10 trường hợp (thị trấn) âm tính

Đến 30/8/2021 giải gộp số ống dương còn lại, kết quả ghi nhận thêm 08 ca, gồm

+ **Hòn Đất:** giải gộp 01 ống gồm 10 trường hợp ghi nhận **01 ca dương tính Bình Sơn;** giải gộp 01 ống gồm 10 trường hợp ghi nhận **01 ca dương tính Bình Giang;** 01 ống gồm 10 trường hợp ghi nhận âm tính

+ **Kiên Lương:** 05 ống gồm 50 trường hợp và 03 trường hợp bổ sung thêm; ghi nhận 04 ca dương tính (01 ca dương tính và 03 chung gia đình xã Bình An)

+ **Châu Thành** 11 ống gồm 109 trường hợp (lấy thêm 01 trường hợp) ghi nhận **02 ca dương tính** (Mong Thọ B và 01 ca Thạnh Lộc)

+ **Hà Tiên:** 03 ống gồm 30 trường hợp ghi nhận âm tính

+ **Vĩnh Thuận** 01 ống gồm 05 trường hợp ghi nhận âm tính

Vậy tổng số xét nghiệm RT-PCR phát hiện 182 ca dương tính tại 05 huyện và 01 thành phố (Vĩnh Thuận, Châu Thành, Giồng Riềng, Hòn Đất, Kiên Lương và TP Rạch Giá).

2. Kết quả xét nghiệm test nhanh

Căn cứ diễn biến của tình hình dịch Covid – 19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá, Ban Chỉ đạo thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 đã đánh giá mức độ nguy cơ và xin ý kiến chỉ đạo và được chấp thuận của Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh về triển khai bổ sung xét nghiệm test nhanh tại phường Vĩnh Lạc và phường Vĩnh bảo để phát hiện nhanh F0 bóc tách khỏi cộng đồng hạn chế lây lan diện rộng. **Kết quả thực hiện:**

- Phường Vĩnh Lạc: thực hiện xét nghiệm 7.837 hộ, lấy mẫu xét nghiệm cho 15.674 người, phát hiện 51 trường hợp có kết quả dương tính với xét nghiệm nhanh tại cộng đồng. Xét nghiệm lại bằng Realtime RT-PCR kết quả 51 ca dương tính

- Phường Vĩnh Bảo: thực hiện xét nghiệm 3.167 hộ, lấy mẫu xét nghiệm cho 6.000 người, chưa ghi nhận trường hợp có kết quả dương tính với xét nghiệm nhanh tại cộng đồng

3. Kết quả xét nghiệm chung đợt 1

- Qua công tác lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2 toàn tỉnh đã ghi nhận tổng số ca mắc là 233/522.574; tỷ lệ phát hiện F0 được bóc tách kịp thời ra khỏi cộng đồng là 0,044 %.

- Số trường hợp phát hiện tập trung tại 05 huyện và 01 TP (Vĩnh Thuận, Châu Thành, Giồng Riềng, Hòn Đất, Kiên Lương và TP Rạch Giá); 09 huyện, thành phố không ghi nhận ca mắc qua xét nghiệm sàng lọc (U Minh Thượng, An Minh, An Biên, Gò Quao, Tân Hiệp, Giang Thành, Kiên Hải, TP. Hà Tiên và TP Phú Quốc)

II. KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC SARS-COV-2 ĐỢT 2

Tính đến ngày 04/9/2021 toàn tỉnh đã thực hiện lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2 được 84.793/100.415 ống gộp đạt 85,13%, tương ứng 664.645/830.398 người đạt 80,04% (*chi tiết tại phụ lục 2 kèm theo*), còn 01 đơn vị chưa hoàn thành là huyện Kiên Lương. Kết quả xét nghiệm cụ thể như sau:

1. Kết quả xét nghiệm RT-PCR

Đợt 2 tính đến ngày 04/9/2021 ghi nhận 151 ống gộp dương và 03 ống lấy lại mẫu xét nghiệm. Kết quả:

***Đã giải gộp:** 108 ống gộp dương gồm 712 trường hợp ghi nhận **192 ca dương tính** và số ca phát hiện cộng đồng qua test nhanh được khẳng định RT-PCR là 268 ca, nâng tổng số ca ghi nhận đợt 2 là ca 460

- **Tp Rạch giá:** 84 ống gộp dương và 02 ống lấy lại gồm 506 trường hợp mẫu xét nghiệm ghi nhận **139 ca dương tính**, tại 11 phường (Vĩnh Hiệp: 28 ca; Vĩnh Thanh: 19 ca; Vĩnh Lạc: 18 ca; Vĩnh Quang: 17 ca; Vĩnh Thanh Vân: 13 ca; Vĩnh Hiệp: 12 ca; Vĩnh Bảo: 11 ca; An Hòa: 12 ca; Rạch Sỏi: 05 ca; An Bình: 03 ca và Vĩnh Thông: 01 ca), còn 01 xã không ghi nhận ca mắc là xã Phi Thông

- **Huyện Vĩnh Thuận:** 06 ống gộp dương gồm 58 trường hợp ghi nhận **14 ca dương tính** và 01 ống lấy lại mẫu kết quả âm tính. Gồm: Vĩnh Bình Nam: 11 ca; Vĩnh Bình Bắc: 01 ca; Bình Minh: 01 ca; Tân Thuận: 01 ca

- **Châu Thành:** 06 ống gộp dương gồm 27 trường hợp ghi nhận **09 ca dương tính mới** và 01 ca dương tính là F0 đã xuất viện. Gồm: Giục Tượng: 07 ca và xã Mong Thọ: 02 ca

- **Hòn Đất:** 06 ống gộp dương 61 trường hợp ghi nhận **05 ca dương tính tại 03 xã** (Áp Tân Điền Mỹ Lâm: 01 ca; Áp Phước Tân, Mỹ Phước: 01 ca; Áp Thuận An, Bình Sơn: 03 ca)

- **Kiên Lương:** 02 ống gộp dương 20 trường hợp ghi nhận **02 ca dương tính tại** Áp Hòa Giang, xã Hòa Điền: 02 ca

- **Giồng Riềng:** 01 ống gộp dương gồm 10 trường hợp kết quả giải gộp âm tính

- **Gò Quao:** 01 ống gộp dương gồm 10 trường hợp kết quả giải gộp âm tính

- **Hà Tiên:** : Xét nghiệm PCR sàng lọc cộng đồng ghi nhận 63 ca dương tính. Trong đó: Tô Châu: 4 ca; Bình Sơn: 28 ca; Đông Hồ: 25 ca; Thuận Yên: 5 ca; Pháo Đài: 1 ca

- **Giang Thành:** giải gộp 02 ống gộp dương ghi nhận 23 ca dương tính

Còn 42 ống gộp dương của TP Hà Tiên đang tiến hành lấy mẫu đơn giải gộp (chờ kết quả)

2. Kết quả xét nghiệm nhanh kháng nguyên

Căn cứ diễn biến của tình hình dịch Covid – 19 trên địa bàn thành phố Rạch Giá, Ban Chỉ đạo thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 đã đánh giá mức độ nguy cơ và xin ý kiến chỉ đạo Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh về triển khai bổ sung xét nghiệm test nhanh (gộp 2-3 người/hộ/test) để phát hiện nhanh F0 bóc tách khỏi cộng đồng hạn chế lây lan diện rộng. Cụ thể như sau:

- Đối tượng và địa điểm:

+ 100% hộ gia đình tại hai phường Vĩnh Thanh, Vĩnh Quang, Vĩnh Lạc và Vĩnh Bảo – Tp. Rạch Giá;

+ 100% hộ gia đình tại Tp. Hà Tiên và huyện Kiên Lương

+ 100% hộ gia đình tại xã Bình Sơn, Bình Giang, Thổ Sơn, Mỹ Lâm – H. Hòn Đất;

+ 100% hộ gia đình tại xã Bàn Tân Định – H. Giồng Riềng;

+ 100% hộ gia đình tại xã Phú Mỹ huyện Giang Thành;

+ 100% hộ gia đình tại xã Tân Thuận, Vĩnh Bình Nam và Phong Đông – H. Vĩnh Thuận

- Kết quả thực hiện:

* **Rạch Giá:** Thực hiện 22.629 test gộp, tương đương 40.658 người phát hiện 121 ca dương tính, cụ thể::

+ Phường Vĩnh Quang lấy được 10.763 test gộp, tương đương 19.054 người; số xét nghiệm lại bằng test nhanh mẫu đơn là 73 test, tương đương 73 người, phát hiện 11 ca dương tính

+ Phường Vĩnh Bảo lấy được 3.994 test gộp, tương đương 7.843 người, số xét nghiệm lại bằng test nhanh mẫu đơn là 68, tương đương 73 người, phát hiện 15 ca dương tính

+ Phường Vĩnh Thanh lấy được 3.965 test gộp, tương đương 6.816 người, số xét nghiệm lại bằng test nhanh mẫu đơn là 58, tương đương 58 người, phát hiện 20 ca dương tính

+ Phường Vĩnh Lạc lấy được 3.907 test gộp, tương đương 6.945 người, số xét nghiệm lại bằng test nhanh mẫu đơn là 150, tương đương 150 người, phát hiện 75 ca dương tính.

*** Thực hiện test sàng lọc cộng đồng tại Tp Rạch Giá: (nhóm CDC quản lý lấy mẫu)**

Trong tổng số mẫu được lấy là 469 mẫu có 129 test nhanh dương tính, **kết quả RT-PCR có 138 ca dương tính**: P. Vĩnh Lạc: **88 ca** (có **68 ca** khu phong tỏa 44 ca Hẻm 390 Ngô Quyền; 03 ca Hẻm 105 Nguyễn An Ninh; 07 ca Hẻm 33 Chu Văn An và 14 ca Hẻm 13 Đống Đa); P. Vĩnh Bảo: **09 ca**; P. Vĩnh Thanh: **17 ca** và Vĩnh Quang: **24 ca**

*** Giồng Riềng**: hoàn thành xã Bàn Tân Định theo Kế hoạch. Xã Bàn Tân Định lấy được 3.170 test gộp, tương đương 6.124 người, không ghi nhận kết quả dương tính;

*** Vĩnh Thuận**: hoàn thành 3 xã Tân Thuận, Phong Đông, Vĩnh Bình Nam theo Kế hoạch thực hiện; tổng số 3 xã lấy được 4.175 test gộp, phát hiện 01 test đơn dương tính;

*** Hòn Đất**: hoàn thành 2/4 xã là xã Bình Sơn và Bình Giang, 2 xã Thổ Sơn và Mỹ Lâm đang thực hiện; tổng số 2 xã đã hoàn thành lấy được 1.604 test gộp, tương đương 3.209 người; phát hiện 14 test gộp dương tính, tương đương 28 người dương tính, PCR kết quả 14 ca dương

*** Giang Thành**: hoàn thành xã Phú Mỹ theo Kế hoạch thực hiện; lấy được 865 test gộp, tương đương 2.367 người; phát hiện 03 test gộp dương tính, tương đương 6 người dương tính;

*** Kiên Lương**: hoàn thành 3/8 xã là TT. Kiên Lương, Bình An, Dương Hoà; tổng số 3 xã lấy được là 18.012 người, phát hiện 45 người test nhanh dương tính.

*** Hà Tiên**: Thực hiện 12.850 mẫu gộp đạt 103% kế hoạch, đã phát hiện 64 mẫu dương (trong 29 mẫu gộp).

Tổng số trường hợp xét nghiệm test nhanh tại các địa phương trên đã phát hiện 268 ca (đã được xét nghiệm khẳng định bằng RT-PCR)

3. Kết quả xét nghiệm chung đợt 2

- Qua công tác lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2 đợt 2 toàn tỉnh đã ghi nhận tổng số ca mắc là 460/735.218; tỷ lệ phát hiện F0 được bóc tách kịp thời ra khỏi cộng đồng là 0,062 %.

- Số trường hợp phát hiện tập trung tại 05 huyện và 02 TP (Vĩnh Thuận, Châu Thành, Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành, TP. Hà Tiên và TP Rạch Giá); 08 huyện, thành phố không ghi nhận ca mắc qua xét nghiệm sàng lọc (U Minh Thượng, An Minh, An Biên, Gò Quao, Giồng Riềng Tân Hiệp, Kiên Hải và TP Phú Quốc)

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Tính đến ngày 04/9/2021, qua 02 đợt thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 toàn tỉnh đã thực hiện lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR 138.155 mẫu gộp đạt 80,2%, tương ứng 1.188.835 lượt người đạt 76,76 % (còn 01 đơn vị chưa hoàn thành là huyện Kiên Lương) và 53.493 mẫu gộp test nhanh tương ứng 108.599 người. Qua đó đã phát hiện 693 trường hợp dương tính SARS-COV-2 (F0) tách ra khỏi cộng đồng đưa đi cách ly điều trị và điều tra truy vết các trường hợp F1 đưa đi cách ly tập trung, F2 cách ly tại nhà.

Từ ngày 21/6/2021 đến 19 giờ ngày 04/9/2021, toàn tỉnh có 2.311 ca mắc, (Trước 21/6/2021 Kiên Giang không có ca mắc ngoài cộng đồng) tập trung nhiều nhất là ở Thành phố Rạch Giá 1.047 ca (48,30% số ca toàn tỉnh), huyện Kiên Lương 271 ca (11,72%), huyện Châu Thành 197 ca (8,52%), huyện Vĩnh Thuận 144 ca (6,23%), TP Hà Tiên 144 ca (6,23%) và huyện Giồng Riềng 126 ca (5,45%).

Qua thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 đợt 1, số trường hợp phát hiện dương tính tập trung tại 05 huyện và 01 TP (Vĩnh Thuận, Châu Thành, Giồng Riềng, Hòn Đất, Kiên Lương và TP Rạch Giá); 09 huyện, thành phố không ghi nhận ca mắc qua xét nghiệm sàng lọc (U Minh Thượng, An Minh, An Biên, Gò Quao, Tân Hiệp, Giang Thành, Kiên Hải, TP. Hà Tiên và TP Phú Quốc) và đợt 2 tập trung tại 05 huyện và 02 TP (Vĩnh Thuận, Châu Thành, Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành, TP. Hà Tiên và TP Rạch Giá); 08 huyện, thành phố không ghi nhận ca mắc qua xét nghiệm sàng lọc (U Minh Thượng, An Minh, An Biên, Gò Quao, giồng Riềng, Tân Hiệp, Kiên Hải và TP Phú Quốc)

Từ kết quả trên, đã xác định được các huyện qua 02 đợt xét nghiệm không ghi nhận ca dương tính nào (F0) gồm 07 huyện: U Minh Thượng, An Minh, An Biên, Gò Quao, Tân Hiệp, Kiên Hải và TP. Phú Quốc và 01 huyện ghi nhận ca dương tính đợt 1 (Giồng Riềng ghi nhận 12 ca tại xã Bàn Tân Định) nhưng qua xét nghiệm RT-PCR đợt 2 và 02 lần xét nghiệm sàng lọc bằng test nhanh đều cho kết quả âm tính.

Như vậy, qua 02 đợt xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 đã xác định được 08 địa phương không có ca dương tính mới gồm: (1) U Minh Thượng, (2) An Minh, (3) An Biên, (4) Gò Quao, (5) Giồng Riềng, (6) Tân Hiệp, (7) Kiên

Hải và (8) TP. Phú Quốc và hiện còn 07 huyện tiếp tục ghi nhận các trường hợp mắc mới, gồm: (1) Vĩnh Thuận, (2) Châu Thành, (3) TP. Rạch Giá, (4) Hòn Đất, (5) Kiên Lương, (6) Giang Thành và (7) TP Hà Tiên). Với kết quả trên, là cơ sở để đánh giá, xác định các vùng nguy cơ (vùng xanh, vàng, cam, đỏ) để các địa phương xây dựng phương án bảo vệ thành quả đã đạt được và tập trung quyết liệt cho các vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao tại 07 huyện, TP.

Phần 2

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH THỰC HIỆN XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC VI RÚT SARS-COV-2 ĐỢT 3

Căn cứ kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Căn cứ kết quả thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid -19 đợt 1, đợt 2 và tình hình diễn biến dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh uỷ và UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 xây dựng kế hoạch xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 đợt 2 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. Mục đích

Tiếp tục thực hiện mục tiêu kiểm soát nhanh chóng dịch bệnh Covid-19 với yêu cầu cao nhất là đảm bảo an toàn và bảo vệ sức khỏe và tính mạng người dân. Thông qua xét nghiệm sàng lọc, diện rộng để chủ động, kịp thời phát hiện người bị nhiễm vi rút SARS-CoV-2 bằng phương pháp xét nghiệm Realtime RT-PCR ở tất cả các địa phương (vùng đỏ, vùng cam, vùng vàng và vùng xanh) và sử dụng test nhanh tại các vùng nguy cơ rất cao (vùng đỏ) và một số vùng nguy cơ cao (vùng cam) xen kẽ giữa các lần lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR; nhanh chóng đưa các trường hợp F0 ra khỏi cộng đồng để ngăn chặn, khoanh vùng và xử lý các ổ dịch trong thời gian ngắn nhất, không để dịch lan rộng.

II. Mục tiêu, đối tượng, phương pháp và nguyên tắc xét nghiệm

- Xét nghiệm sàng lọc 100% người dân trong vùng cách ly y tế để phòng, chống dịch Covid-19, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ.

- Xét nghiệm bằng phương pháp Realtime RT-PCR mẫu gộp 10-12 theo nhân khẩu từng hộ gia đình và xét nghiệm bằng phương pháp test nhanh xen kẽ với xét nghiệm RT-PCR đối với những vùng nguy cơ rất cao

- Nguyên tắc xét nghiệm: đối với các vùng đang thực hiện cách ly y tế trong thời điểm triển khai kế hoạch này thì tiếp tục thực hiện các lần lấy mẫu tiếp theo đủ 03 lần, mỗi lần cách nhau 07 ngày.

III. Thời gian, địa điểm và quy trình

1. Thời gian

Thời gian triển khai thực hiện theo kế hoạch: các địa phương bắt đầu triển khai từ ngày 01/9/2021 đến ngày 10/9/2021.

2. Địa điểm

- Thực hiện xét nghiệm sàng lọc tại các địa bàn nguy cơ rất cao và nguy cơ cao: **(1)** Huyện Vĩnh Thuận, **(2)** Châu Thành, **(3)** TP Rạch Giá, **(4)** Hòn Đất, **(5)** Kiên Lương, **(6)** Giang Thành và **(7)** TP. Hà Tiên (*chi tiết tại phụ lục 5 và 6 kèm theo*)

- Các địa phương còn lại không thực xét nghiệm sàng lọc đợt 3 (U Minh Thượng, An Minh, An Biên, Gò Quao, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Kiên Hải và TP. Phú Quốc)

3. Quy trình: Thực hiện theo kế hoạch số 162/KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang

IV. Nhân lực thực hiện

Duy trì nguồn nhân lực tại tuyến tỉnh và các địa phương đảm bảo tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch

V. Phương án lấy mẫu xét nghiệm

1. Đối với các vùng cách ly y tế, vùng nguy cơ rất cao, vùng nguy cơ cao và vùng nguy cơ

Cơ bản các địa phương tiếp tục thực hiện theo kế hoạch 162/KH-UBND, ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh. Riêng một số địa bàn do tình hình dịch diễn biến phức tạp, có những chùm ca bệnh mới xuất hiện sẽ thực hiện theo phương án sau:

- Địa bàn thành phố Rạch Giá: Triển khai bổ sung thêm 01 lần xét nghiệm test nhanh tại 04 phường nguy cơ rất cao (sau 02 lần test nhanh theo kế hoạch thực hiện đợt 2). Sau đó tiếp tục thực hiện lấy mẫu 100% dân số (mẫu gộp 10-12 nhân khẩu) xét nghiệm RT-PCR đợt 3 trên tất cả các phường, xã.

- Đối với thành phố Hà Tiên: Tiếp tục thực hiện xét nghiệm test nhanh lần 2 sau khi lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR 100% dân số (gộp 10) theo kế hoạch thực hiện xét nghiệm sàng lọc đợt 2. Sau đó, tiến hành lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2 100% (mẫu gộp 10) đợt 3.

- Đối với huyện Kiên Lương: Hoàn thành việc lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR sàng lọc SARS-COV-2 cho 100% dân số (gộp 10) đợt 2 tại các xã chưa thực hiện. Sau đó, tiếp tục triển khai xét nghiệm test nhanh 8/8 xã, thị trấn (gộp 2-3 người/hộ/test) lần 02. Sau khi hoàn thành test nhanh, tiến hành

ngay việc lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR sàng lọc SARS-COV-2 đợt 3 cho 100% dân số trên địa bàn các xã này (mẫu gộp 10-12 người).

- Đối với huyện Hòn Đất: Tiếp tục triển khai xét nghiệm test nhanh lần 1 và lần 2 tại 04 xã theo kế hoạch điều chỉnh đợt 2 (*chi tiết tại phụ lục 4*) và triển khai bổ sung 04 xã thực hiện 01 lần (Phước Mỹ, Linh Huỳnh, Mỹ Hiệp Sơn và Thị trấn Sóc Sơn (*chi tiết tại phụ lục 6 kèm theo*)). Sau khi hoàn thành thực hiện sàng lọc test nhanh tiến hành ngay việc lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR cho 100% dân số (gộp 10-12/ người/ống) tại Xã Bình Sơn, Bình Giang, Mỹ Lâm, Mỹ Phước, Thổ sơn và Thị trấn Sóc Sơn; 50% dân số đối với xã Linh Huỳnh và Mỹ Hiệp Sơn, các xã còn lại thực hiện lấy mẫu 10% dân số (theo kế hoạch 162/KH-UBND tỉnh)(*chi tiết tại phụ lục 5 kèm theo*)

- Địa bàn huyện Giang Thành: Đã xuất hiện ổ dịch tại xã Phú Mỹ chưa rõ nguồn lây được xác định là xã nguy cơ cao. Tiếp tục triển khai thực hiện xét nghiệm test nhanh sàng lọc SARS-COV-2 lần 2 tại xã Phú Mỹ và lần 1 tại xã Vĩnh Phú (*chi tiết tại phụ lục 6 kèm theo*), hoàn thành việc lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR đợt 2 theo kế hoạch, sau đó nhanh chóng triển khai lấy mẫu xét nghiệm RT-PCR lần 3 cho 100% dân số (gộp 10-12) tại xã Phú Mỹ và xã Vĩnh Phú, các địa phương còn lại thực hiện lấy mẫu 10% theo kế hoạch (*chi tiết tại phụ lục 5 kèm theo*)

- Địa bàn huyện Vĩnh Thuận và huyện Châu Thành: tiếp tục triển khai lấy mẫu 100% dân số (mẫu gộp 10-12) tại tất cả các xã, thị trấn đợt 3 theo kế hoạch.

(*Chi tiết tại phụ lục 5 và 6 kèm theo*)

2. Đối với các địa phương còn lại

- Khi phát hiện ca bệnh, chùm ca bệnh hoặc ổ dịch phải nhanh chóng khoanh vùng, điều tra, truy vết, dập dịch theo quy định của Bộ y tế

- Xây dựng Phương án, kế hoạch xét nghiệm sàng lọc 5% dân số ở vùng nguy cơ cho các đối tượng nguy cơ (theo phụ lục 6 kèm theo Kế hoạch số 162/KH-UBND tỉnh) và phương án bảo vệ an toàn vùng xanh không để dịch xâm nhập và lây lan tại các vùng này.

VI. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí để thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác.

1. Kinh phí thanh toán cho xét nghiệm

Ngân sách tỉnh và huy động hợp pháp khác (nếu có).

2. Ngân sách tỉnh bố trí đảm bảo mua vật tư y tế, hoá chất, sinh phẩm và các hoạt động khác (có dự toán riêng)

3. Vật tư y tế, sinh phẩm test nhanh sử dụng

3.1. Sử dụng thực hiện đợt 3

- Ống môi trường vận chuyển vi rút : 72.953 ống

- Que tăm bông lấy mẫu tỵ hầu : 823.047 que
- Găng tay : 19.2510 đôi
- Test kháng nguyên SARS-COV-2 : 47.103 test

(chi tiết tại phụ lục 5, 6 và 7 kèm theo)

3.2. Điều chỉnh, bổ sung đợt 2 (huyện Kiên Lương và huyện Hòn Đất)

- Ống môi trường vận chuyển vi rút : 12.672 ống
- Que tăm bông lấy mẫu tỵ hầu : 282.394 que
- Găng tay : 76.784 đôi
- Test kháng nguyên SARS-COV-2 : 77.848 test

(Chi tiết tại phụ lục 3 và 4)

Lưu ý: Riêng trang phục phòng hộ chống dịch, khẩu trang N95, dung dịch sát khuẩn...sẽ cấp theo kế hoạch sử dụng của các địa phương sau khi được bộ phận chuyên môn thẩm định, đề xuất và phê duyệt

- Sử dụng từ nguồn ngân sách mua bổ sung, nguồn Bộ Y tế hỗ trợ và nguồn tài trợ của các đơn vị tài trợ.

VII. Tổ chức thực hiện

Thực hiện theo kế hoạch 162/KH-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về thực hiện xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid -19 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

VIII. Đề xuất kiến nghị

1. Đối với địa phương

- Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 và Trung tâm Chỉ huy phòng, chống dịch Covid-19 các cấp, nhất là các huyện Hòn Đất, Kiên Lương, Giang Thành. TP Hà Tiên và TP. Rạch Giá cần tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt công tác lấy mẫu xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2, không để sót đối tượng để nhanh chóng phát hiện F0 bóc tách ra khỏi cộng đồng trong thời gian nhanh nhất nhằm không để dịch bùng phát và lan rộng. Phấn đấu kết thúc các hoạt động trước ngày 10/9/2021 để tổng kết, đánh giá và chuyển sang giai đoạn mới.

- Đối với 05 huyện đã qua 14 ngày không có ca bệnh mới (U Minh Thượng, Tân Hiệp, Gò Quao, Phú Quốc và Kiên Hải) gấp rút xây dựng phương án phòng, chống dịch Covid-19 giữ vững vùng xanh và kế hoạch sàng lọc định kỳ 5% dân số cho các đối tượng nguy cơ cao.

- Đối với 02 huyện đã qua 02 lần xét nghiệm sàng lọc SARS-COV-2 bằng phương pháp RT-PCR (An Biên, An Minh) và 01 huyện đã thực hiện 01 lần RT-PCR và 02 lần test không phát hiện ca F0 mới (Giồng Riềng), tăng cường công tác giám sát, sàng lọc các trường hợp nghi ngờ, đồng thời chốt chặn, ngăn chặn không để dịch xâm nhập, kịp thời phát hiện các trường hợp nghi nhiễm để cách

ly theo quy định. Phần đầu chuyển thành vùng xanh sau 14 ngày kể từ khi có ca nhiễm tại cộng đồng cuối cùng trong thời gian tới.

- Đối với huyện Châu Thành và huyện Vĩnh Thuận nhanh chóng hoàn thành lấy mẫu xét nghiệm SARS-COV-2 đợt 3, chuẩn bị phương án bảo vệ vùng xanh, giải pháp xoá vùng vàng, vùng cam và thu hẹp vùng đỏ (nếu có) sau khi có kết quả xét nghiệm RT-PCR.

2. Đối với Trung ương (Bộ Y tế)

Để kiểm soát tốt tình hình dịch, bệnh Covid -19 trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới, kiến nghị Bộ Y tế một số nội dung sau:

- Ưu tiên phân bổ vắc xin đảm bảo tiêm cho toàn dân của tỉnh, nhất là TP. Phú Quốc

- Đầu tư trang thiết bị, vật tư y tế, sinh phẩm xét nghiệm để địa phương đủ nguồn lực cho công tác phòng, chống dịch.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-COV-2 trong phòng, chống dịch Covid-19 đợt 1, đợt 2 và kế hoạch điều chỉnh thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 đợt 3 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, Ban Chỉ đạo thực hiện xét nghiệm sàng lọc xin báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- TV. Trung tâm Chỉ huy tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ttthuy, "HT".

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Hà Văn Phúc**

Phụ lục 1

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC VI RÚT SARS-COV-2 ĐỢT 1

(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCĐ ngày tháng năm 2021)

STT	Địa phương	Dân số	Số người cần lấy mẫu theo Kế hoạch số 162/KH-UBND	Số mẫu (gộp 10 người) cần lấy theo Kế hoạch 162/KH-UBND	Theo Kế hoạch của địa phương		Thực hiện				Ghi chú
							Số mẫu (gộp 10)		Số người được		
					Số người cần lấy	Số mẫu	Số lượng (ổng)	Đạt được (%)	Số lượng (người)	Đạt được (%)	
1	Tp. Rạch Giá	228,416	228,416	22,842	228,416	22,842	16,834	73.7	166,577	72.9	
2	Tp. Hà Tiên	48,644	4,864	486	48,644	4,864	488	100.4	4,867	100.1	
3	H. Kiên Lương	79,351	7,935	794	79,351	794	794	100.0	7,906	99.6	
4	H. Hòn Đất	156,770	15,677	1,568	15,677	1,566	1,553	99.0	15,605	99.5	[1]
5	H. Tân Hiệp	125,858	42,750	4,275	42,750	4,275	936	21.9	9,042	21.2	[2]
6	H. Châu Thành	161,230	161,230	16,123	142,810	14,281	11,133	69.1	108,633	67.4	[3]
7	H. Giồng Riềng	225,369	44,803	4,480	41,191	4,119	4,066	90.8	40,495	90.4	[4]
8	H. Gò quao	133,776	66,980	6,698	66,980	6,698	3,588	53.6	35,303	52.7	[5]
9	H. An Biên	115,584	17,340	1,734	17,340	1,734	1,970	113.6	17,512	101.0	
10	H. An Minh	116,217	17,430	1,743	17,442	1,744	1,803	103.4	18,036	103.5	
11	H. Vĩnh Thuận	82,626	82,626	8,263	82,626	8,263	8,262	100.0	71,513	86.6	
12	Tp. Phú Quốc	144,460	14,450	1,445			487	33.7	14,659	101.4	[6]
13	H. Kiên Hải	13,767	1,380	138	1,380	138	186	134.8	1,480	107.2	
14	H. U Minh Thượng	63,616	9,542	957	9,542	957	968	101.1	9,620	100.8	
15	H. Giang Thành	29,308	2,931	293	2,939	294	294	100.3	2,942	100.4	
TỔNG CỘNG		1,724,992	718,354	71,839	797,088	72,569	53,362	74.3	524,190	73.0	

Phụ lục 2

BẢNG THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC VI RÚT SARS-COV-2 ĐỢT 2

(Kèm theo Kế hoạch số / ngày tháng năm 2021)

STT	Địa phương (xã/phường)	Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)	Theo Kế hoạch đợt 2		Theo Kế hoạch của địa phương		Thực tế thực hiện trong ngày				Tiến độ thực hiện (ghi đang thực hiện hay đã hoàn thành)
				Số mẫu gộp cần lấy (ống)	Số người cần lấy (người)	Số mẫu gộp cần lấy	Số người cần lấy	Số lượng (ống)	Đạt được (%)	Số lượng (người)	Đạt được (%)	
1	Tp. Rạch Giá	60,256	228,416	40,212	228,416	22,842	228,416	35,996	89.52	173,901	76.13	đã hoàn thành
2	Tp. Hà Tiên	12,870	48,644	4,864	48,644	4,864	48,644	4,081	83.90	40,671	83.61	đã hoàn thành
3	H. Kiên Lương	22,153	79,351	5,854	58,535	5,854	58,535	5,854	100.00	58,535	100.00	đang thực hiện
4	H. Hòn Đất	41,928	156,770	2,853	28,537	2,753	27,634	2,712	95.06	28,229	98.92	đã hoàn thành
5	H. Tân Hiệp	32,868	125,858	4,277	42,752	4,277	42,752	3,401	79.52	33,328	77.96	đã hoàn thành
6	H. Châu Thành	41,025	161,230	16,125	161,230	14,313	143,132	11,013	68.30	109,337	67.81	đã hoàn thành
7	H. Giồng Riềng	54,465	225,369	4,481	44,799	4,481	44,799	4,170	93.06	41,347	92.29	đã hoàn thành
8	H. Gò Quao	34,692	133,776	6,698	66,985	6,698	66,985	4,893	73.05	48,257	72.04	đã hoàn thành
9	H. An Biên	30,369	115,584	1,734	17,336	1,734	17,336	1,767	101.90	17,680	101.98	đã hoàn thành
10	H. An Minh	31,116	116,217	1,744	17,433	1,744	17,433	1,746	100.11	17,380	99.70	đã hoàn thành
11	H. Vĩnh Thuận	22,789	82,626	8,263	82,626	8,263	82,626	7,075	85.62	70,772	85.65	đã hoàn thành
12	Tp. Phú Quốc	44,356	144,460	1,445	14,447	1,445	14,447	293	20.28	7,659	53.02	đã hoàn thành
13	H. Kiên Hải	5,150	13,767	138	1,377	138	1,377	186	134.78	1,480	107.50	đã hoàn thành
14	H. U Minh Thượng	17,920	63,616	953	9,542	953	9,530	968	101.57	9,685	101.50	đã hoàn thành
15	H. Giang Thành	8,220	29,308	774	7,440	774	7,440	638	82.43	6,384	85.81	đã hoàn thành
	TỔNG CỘNG	460,177	1,724,992	100,415	830,098	81,133	811,085	84,793	84.44	664,645	80.07	

Ghi chú:

[1] Có 4 phường thực hiện lấy mẫu PCR gộp hộ gia đình nên kết quả cao hơn so với chỉ tiêu Kế hoạch

[2] Chỉ hoàn thành Kế hoạch lấy 10% dân số của 4 xã Hòn Nghệ, Kiên Bình, Sơn Hải, Hoà Điền; còn các xã còn lại đang thực hiện

[3] Thấp hơn so với chỉ tiêu trong Kế hoạch do xã Giục Tượng đã thực hiện chiến lược riêng không thực hiện lại trong Kế hoạch đợt 2; so với Kế hoạch địa phương

[4] Hoàn thành 100% dân tại 5 xã nguy cơ; còn 6 xã bình thường mới chưa thực hiện

[5] Thực hiện xét nghiệm nhanh kháng nguyên được 4.781 mẫu, 4.781 người và RT-PCR 2.878 người

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU THỰC HIỆN VÀ VẬT TƯ Y TẾ THỰC HIỆN ĐỢT 2
HUYỆN HÒN ĐẤT VÀ HUYỆN KIÊN LƯƠNG**

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số			Nhu cầu ống môi trường (Gộp 10 người/ống). Riêng TP.RG gộp mỗi hộ/01 ống/4 P.NCRC & NCC	Nhu cầu que tăm bông lấy mẫu ty hầu	Găng tay (05 người thay găng 1 lần)	Trang phục chống dịch cấp độ 2 và khẩu trang N95 (căn cứ số đội và số người tham gia, trung bình mỗi đội 3
				Vùng phong toả, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ	Bình thường mới 10-50% D.Số	Tổng cộng				
	Tổng cộng	64,081	236,121	93,640	33,058	126,698	12,672	126,698	25,340	
	HUYỆN HÒN ĐẤT	41,928	156,770	14,289	33,058	47,347	4,737	47,347	9,469	0
1	Thị trấn Hòn Đất	3,513	12,676		1,268	1,268	127	1,268	254	
2	Thị trấn Sóc Sơn	4,168	15,998		1,600	1,600	160	1,600	320	
3	Xã Bình Sơn	3,875	14,289	14,289		14,289	1,429	14,289	2,858	
4	Xã Bình Giang	3,982	14,920		7,460	7,460	746	7,460	1,492	
5	Xã Mỹ Thái	975	3,594		359	359	36	359	72	
6	Xã Nam Thái Sơn	2,895	10,755		1,076	1,076	108	1,076	215	
7	Xã Mỹ Hiệp Sơn	3,582	12,598		1,260	1,260	126	1,260	252	
8	Xã Sơn Kiên	3,044	11,233		1,123	1,123	112	1,123	225	
9	Xã Sơn Bình	2,042	8,195		820	820	82	820	164	
10	Xã Mỹ Thuận	1,817	6,412		641	641	64.0	641	128	
11	Xã Linh Huỳnh	2,334	9,349		935	935	94	935	187	
12	Xã Thổ Sơn	3,867	14,256		7,128	7,128	713	7,128	1,426	
13	Xã Mỹ Lâm	4,499	17,849		8,925	8,925	893	8,925	1,785	
14	Xã Mỹ Phước	1,336	4,646		465	465	47	465	93	
	HUYỆN KIÊN LƯƠNG	22,153	79,351	79,351	0	79,351	7,936	79,351	15,870	0
1	Thị trấn Kiên Lương	9,026	30,917	30,917		30,917	3,092	30,917	6,183	
2	Xã Kiên Bình	2,364	8,364	8,364		8,364	836	8,364	1673	
3	Xã Hòa Điền	2,635	9,836	9,836		9,836	984	9,836	1967	
4	Xã Bình An	3,192	11,606	11,606		11,606	1,161	11,606	2,321	
5	Xã Bình Trị	1,597	6,060	6,060		6,060	606	6,060	1212	
6	Xã Dương Hòa	1,971	7,639	7,639		7,639	764	7,639	1528	
7	Xã Sơn Hải	674	2,495	2,495		2,495	250	2,495	499	
8	Xã Hòn Nghệ	694	2,434	2,434		2,434	243	2,434	487	

**BẢNG ĐIỀU CHỈNH CHỈ TIÊU THỰC HIỆN
VÀ TEST NHANH KHÁNG NGUYÊN, VẬT TƯ Y TẾ THỰC HIỆN ĐỢT 2
Huyện Hòn Đất và Huyện Kiên Lương**

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số			Thực hiện sàng lọc test nhanh					
				Vùng phong toả, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ	Vùng nguy cơ 100 dân số (bổ sung)	Tổng cộng	Vật tư y tế mỗi đợt			Tổng số 02 lần		
							Số test nhanh(mỗ i hộ gia đình 1 test)	Que tăm bông lấy mẫu ty hầu (2 que/test	Găng tay (Đôi)	Số test nhanh(m ỗi hộ gia đình 1 test)	Que tăm bông lấy mẫu ty hầu (que)	Găng tay
		37,008	135,736	88,711	47,025	135,736	38,924	77,848	25,722	77,848	155,696	51,444
	HUYỆN HÒN ĐẤT	16,223	61,314	14,289	47,025	61,314	17,100	34,200	10,838	34,200	68,400	21,676
3	Xã Bình Sơn	3,875	14,289	14,289		14,289	4,100	8,200	2,858	8,200	16,400	5,716
4	Xã Bình Giang	3,982	14,920		14,920	14,920	4,200	8,400	2,984	8,400	16,800	5,968
12	Xã Thổ Sơn	3,867	14,256		14,256	14,256	4,000	8,000	1,426	8,000	16,000	2,852
13	Xã Mỹ Lâm	4,499	17,849		17,849	17,849	4,800	9,600	3,570	9,600	19,200	7,140
	HUYỆN KIÊN LƯƠNG	20,785	74,422	74,422	0	74,422	21,824	43,648	14,884	43,648	87,296	29,769
1	Thị trấn Kiên Lương	9,026	30,917	30,917		30,917	9,477	18,954	6,183	18,954	37,908	12,367
2	Xã Kiên Bình	2,364	8,364	8,364		8,364	2,482	4,964	1,673	4,964	9,928	3,346
3	Xã Hòa Điền	2,635	9,836	9,836		9,836	2,767	5,534	1,967	5,534	11,068	3,934
4	Xã Bình An	3,192	11,606	11,606		11,606	3,352	6,704	2,321	6,704	13,408	4,642
5	Xã Bình Trị	1,597	6,060	6,060		6,060	1,677	3,354	1,212	3,354	6,708	2,424
6	Xã Dương Hòa	1,971	7,639	7,639		7,639	2,069	4,138	1,528	4,138	8,276	3,056
7	Xã Sơn Hải	674	2,495	2,495		2,495	708	1,416	499	1,416	2,832	998
8	Xã Hòn Nghệ	694	2,434	2,434		2,434	729	1,458	487	1,458	2,916	974

Ghi chú: Số test kháng nguyên được tính bằng số hộ (mỗi hộ 1 test gộp từ 2-3 người)* 5% (giải gộp khi có mẫu gộp dương tính)

BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN VÀ VẬT TƯ Y TẾ THỰC HIỆN ĐỢT 3

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số			Nhu cầu ống môi trường (Gộp 10 người/ống). Riêng TP.RG gộp mỗi hộ/01 ống/4 P.NCRC & NCC	Nhu cầu que tăm bông lấy mẫu ty hầu	Găng tay (05 người thay găng 1 lần)	Trang phục chống dịch cấp độ 2 và khẩu trang N95 (căn cứ số đội và số người tham gia, trung bình mỗi đội 3 người)
				Vùng phong tỏa, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ	Bình thường mới 10-15% D.Số	Tổng cộng				
	TOÀN TỈNH	209,241	786,345	711,533	17,930	729,463	72,949	729,463	153,027	
I	THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ	60,256	228,416	228,416		228,416	22,842	228,416	52,817	0
1	Phường Vĩnh Thanh Vân	2,626	11,268	11,268		11,268	1,127	11,268	2,254	
2	Phường Vĩnh Thanh	5,255	20,075	20,075		20,075	2,008	20,075	5,255	
3	Phường Vĩnh Quang	10,690	39,554	39,554		39,554	3,955	39,554	10,690	
4	Phường Vĩnh Hiệp	4,443	17,771	17,771		17,771	1,777	17,771	3,554	
5	Phường Vĩnh Bảo	4,167	15,751	15,751		15,751	1,575	15,751	4,167	
6	Phường Vĩnh Lạc	7,494	26,980	26,980		26,980	2,698	26,980	7,494	
7	Phường An Hòa	7,777	27,531	27,531		27,531	2,753	27,531	5,506	
8	Phường An Bình	5,332	19,622	19,622		19,622	1,962	19,622	3,924	
9	Phường Rạch Sỏi	4,318	16,277	16,277		16,277	1,628	16,277	3,255	
10	Phường Vĩnh Lợi	2,197	8,238	8,238		8,238	824	8,238	1,648	
11	Phường Vĩnh Thông	2,447	9,765	9,765		9,765	977	9,765	1,953	
12	Xã Phi Thông	3,510	15,584	15,584		15,584	1,558	15,584	3,117	
II	THÀNH PHỐ HÀ TIÊN	12,870	48,644	48,644	0	48,644	4,864	48,644	9,729	0
1	Phường Tô Châu	1,818	6,844	6,844		6,844	684	6,844	1,369	
2	Phường Đông Hồ	2,118	7,752	7,752		7,752	775	7,752	1,550	
3	Phường Bình San	2,794	10,462	10,462		10,462	1,046	10,462	2,092	
4	Phường Pháo Đài	1,909	7,429	7,429		7,429	743	7,429	1,486	
5	Phường Mỹ Đức	1,903	7,617	7,617		7,617	762	7,617	1,523	
6	Xã Tiên Hải	442	1,704	1,704		1,704	170	1,704	341	
7	Xã Thuận Yên	1,886	6,836	6,836		6,836	684	6,836	1,367	
III	HUYỆN KIÊN LƯƠNG	22,153	79,351	79,351	0	79,351	7,935	79,351	15,870	0
1	Thị trấn Kiên Lương	9,026	30,917	30,917		30,917	3,092	30,917	6,183	
2	Xã Kiên Bình	2,364	8,364	8,364		8,364	836	8,364	1,673	

Bảng phân bố chỉ tiêu sàng lọc SARS-COV-2 và VTYT

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số			Nhu cầu ống môi trường (Gộp 10 người/ống). Riêng TP.RG gộp mỗi hộ/01 ống/4 P.NCRC & NCC	Nhu cầu que tăm bông lấy mẫu ty hầu	Găng tay (05 người thay găng 1 lần)	Trang phục chống dịch cấp độ 2 và khẩu trang N95 (căn cứ số đội và số người tham gia, trung bình mỗi đội 3 người)
				Vùng phong tỏa, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ	Bình thường mới 10-15% D.Số	Tổng cộng				
3	Xã Hòa Điền	2,635	9,836	9,836		9,836	984	9,836	1,967	
4	Xã Bình An	3,192	11,606	11,606		11,606	1,161	11,606	2,321	
5	Xã Bình Trị	1,597	6,060	6,060		6,060	606	6,060	1,212	
6	Xã Dương Hòa	1,971	7,639	7,639		7,639	764	7,639	1,528	
7	Xã Sơn Hải	674	2,495	2,495		2,495	250	2,495	499	
8	Xã Hòn Nghệ	694	2,434	2,434		2,434	243	2,434	487	
IV	HUYỆN HÒN ĐẤT	41,928	156,770	81,958	16,260	98,218	9,822	98,218	19,644	0
1	Thị trấn Hòn Đất	3,513	12,676		1,268	1,268	127	1,268	254	
2	Thị trấn Sóc Sơn	4,168	15,998	15,998		15,998	1,600	15,998	3,200	
3	Xã Bình Sơn	3,875	14,289	14,289		14,289	1,429	14,289	2,858	
4	Xã Bình Giang	3,982	14,920	14,920		14,920	1,492	14,920	2,984	
5	Xã Mỹ Thái	975	3,594		359	359	36	359	72	
6	Xã Nam Thái Sơn	2,895	10,755		1,076	1,076	108	1,076	215	
7	Xã Mỹ Hiệp Sơn	3,582	12,598		6,299	6,299	630	6,299	1,260	
8	Xã Sơn Kiên	3,044	11,233		1,123	1,123	112	1,123	225	
9	Xã Sơn Bình	2,042	8,195		820	820	82	820	164	
10	Xã Mỹ Thuận	1,817	6,412		641	641	64	641	128	
11	Xã Linh Huỳnh	2,334	9,349		4,675	4,675	467	4,675	935	
12	Xã Thổ Sơn	3,867	14,256	14,256		14,256	1,426	14,256	2,851	
13	Xã Mỹ Lâm	4,499	17,849	17,849		17,849	1,785	17,849	3,570	
14	Xã Mỹ Phước	1,336	4,646	4,646		4,646	465	4,646	929	
V	HUYỆN CHÂU THÀNH	41,025	161,230	161,230		161,230	16,125	161,230	32,246	0
1	Thị trấn Minh Lương	5,793	22,838	22,838		22,838	2,284	22,838	4,568	
2	Xã Mong Thọ A	2,567	9,937	9,937		9,937	994	9,937	1,987	
3	Xã Mong Thọ B	3,669	14,267	14,267		14,267	1,427	14,267	2,853	
4	Xã Mong Thọ	2,001	8,145	8,145		8,145	815	8,145	1,629	
5	Xã Giục Tượng	4,205	16,619	16,619		16,619	1,662	16,619	3,324	
6	Xã Vĩnh Hòa Hiệp	4,725	17,797	17,797		17,797	1,780	17,797	3,559	
7	Xã Vĩnh Hòa Phú	3,499	14,522	14,522		14,522	1,452	14,522	2,904	

Bảng phân bổ chỉ tiêu sàng lọc SARS-COV-2 và VTYT

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số			Nhu cầu ống môi trường (Gộp 10 người/ống). Riêng TP.RG gộp mỗi hộ/01 ống/4 P.NCRC & NCC	Nhu cầu que tăm bông lấy mẫu ty hầu	Găng tay (05 người thay găng 1 lần)	Trang phục chống dịch cấp độ 2 và khẩu trang N95 (căn cứ số đội và số người tham gia, trung bình mỗi đội 3 người)
				Vùng phong tỏa, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ	Bình thường mới 10-15% D.Số	Tổng cộng				
8	Xã Minh Hòa	5,069	20,195	20,195		20,195	2,020	20,195	4,039	
9	Xã Bình An	5,205	20,172	20,172		20,172	2,017	20,172	4,034	
10	Xã Thạnh Lộc	4,292	16,738	16,738		16,738	1,674	16,738	3,348	
VII	HUYỆN VINH THUẬN	22,789	82,626	82,626		82,626	8,263	82,626	16,525	0
1	Thị trấn Vĩnh Thuận	3,458	12,599	12,599		12,599	1,260	12,599	2,520	
2	Vĩnh Bình Bắc	4,211	14,870	14,870		14,870	1,487	14,870	2,974	
3	Vĩnh Bình Nam	2,535	9,260	9,260		9,260	926	9,260	1,852	
4	Bình Minh	1,590	5,855	5,855		5,855	586	5,855	1,171	
5	Vĩnh Thuận	3,242	12,068	12,068		12,068	1,207	12,068	2,414	
6	Tân Thuận	2,555	9,402	9,402		9,402	940	9,402	1,880	
7	Phong Đông	1,434	4,771	4,771		4,771	477	4,771	954	
8	Vĩnh Phong	3,764	13,801	13,801		13,801	1,380	13,801	2,760	
VII	HUYỆN GIANG THÀNH	8,220	29,308	29,308	1,670	30,978	3,098	30,978	6,196	0
1	Xã Phú Mỹ	1,350	5,343	5,343		5,343	534	5,343	1,069	
2	Xã Phú Lợi	1,190	4,010	4,010	401	4,411	441	4,411	882	
3	Xã Tân Khánh Hòa	1,670	6,057	6,057	606	6,663	666	6,663	1,333	
4	Xã Vĩnh Điều	1,970	6,635	6,635	664	7,299	730	7,299	1,460	
5	Xã Vĩnh Phú	2,040	7,263	7,263		7,263	726	7,263	1,453	

Ghi chú: Các loại vật tư y tế: Trang phục chống dịch cấp độ 2, Khẩu trang N95, dung dịch sát khuẩn tay nhanh... sẽ cấp theo kế hoạch thực hiện của địa phương sau khi được các bộ phận chuyên môn thẩm định dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế và tình hình thực tế trong tổ chức thực hiện

**BẢNG PHÂN BỐ CHỈ TIÊU THỰC HIỆN
VÀ TEST NHANH KHÁNG NGUYÊN, VẬT TƯ Y TẾ THỰC HIỆN ĐỢT 3**

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Dân số			Thực hiện sàng lọc test nhanh		
				Vùng phong toả, vùng nguy cơ rất cao, nguy cơ cao và nguy cơ	Vùng nguy cơ 50% dân số (bổ sung)	Tổng cộng	Vật tư y tế mỗi đợt		
							Số test nhanh(mỗi hộ gia đình 1 test)	Que tăm bông lấy mẫu tỵ hầu (2 que/test)	Găng tay
	TOÀN TỈNH	39,026	144,951	144,951	0	144,951	47,103	94,206	40,917
	THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ	27,606	102,360	102,360		102,360	27,900	55,800	27,606
1	Phường Vĩnh Thanh	5,255	20,075	20,075		20,075	5,300	10,600	5,255
2	Phường Vĩnh Quang	10,690	39,554	39,554		39,554	10,800	21,600	10,690
3	Phường Vĩnh Bảo	4,167	15,751	15,751		15,751	4,200	8,400	4,167
4	Phường Vĩnh Lạc	7,494	26,980	26,980		26,980	7,600	15,200	7,494
	HUYỆN HÒN ĐẤT	11,420	42,591	42,591	0	42,591	11,991	23,982	8,518
1	Xã Mỹ Phước	1,336	4,646	4,646		4,646	1,403	2,806	929
2	Xã Linh Huỳnh	2,334	9,349	9,349		9,349	2,451	4,901	1,870
3	Xã Mỹ Hiệp Sơn	3,582	12,598	12,598		12,598	3,761	7,522	2,520
4	Thị trấn Sóc Sơn	4,168	15,998	15,998		15,998	4,376	8,753	3,200
	HUYỆN GIANG THÀNH	2,040	7,263	7,263	0	7,263	7,212	14,424	4,793
	Xã Vĩnh Phú	2,040	7,263	7,263		7,263	2,140	4,280	1,453
	Xã Phú Lợi	1,190	4,010	4,010		4,010	1,250	2,500	802
	Xã Tân Khánh Hòa	1,670	6,057	6,057		6,057	1,754	3,508	1,211
	Xã Vĩnh Điều	1,970	6,635	6,635		6,635	2,068	4,136	1,327

Ghi chú: Các loại vật tư y tế: Trang phục chống dịch cấp độ 2, Khẩu trang N95, dung dịch sát khuẩn tay nhanh...sẽ cấp theo kế hoạch thực hiện của địa phương sau khi được các bộ phận chuyên môn thẩm định dựa trên các văn bản quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế và tình hình thực tế trong tổ chức thực hiện

**TỔNG HỢP NHU CẦU VẬT TƯ Y TẾ, SINH PHẨM THỰC HIỆN
XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC SARS-COV-2 ĐỢT 3**

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Vật tư y tế thực hiện xét nghiệm sàng lọc (RT-PCR)			Sinh phẩm, vật tư y tế xét nghiệm test nhanh đợt 3			Tổng cộng Vật tư y tế, test thực hiện xét nghiệm sàng lọc đợt 3			
				Ống môi trường	Que tăm bông lấy mẫu	Găng tay	Test nhanh KN	Que tăm bông	Găng tay	Ống môi trường	Test nhanh KN	Que tăm bông	Găng tay
	TOÀN TỈNH	209,241	786,345	72,953	728,841	152,903	47,103	94,206	39,607	72,953	47,103	823,047	192,510
I	THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ	60,256	228,416	22,842	228,416	52,817	27,900	55,800	27,606	22,842	27,900	284,216	80,423
1	Phường Vĩnh Thanh Vân	2,626	11,268	1,127	11,268	2254				1,127	0	11,268	2,254
2	Phường Vĩnh Thanh	5,255	20,075	2008	20,075	5255	5,300	10,600	5255	2,008	5,300	30,675	10,510
3	Phường Vĩnh Quang	10,690	39,554	3955	39,554	10690	10,800	21,600	10690	3,955	10,800	61,154	21,380
4	Phường Vĩnh Hiệp	4,443	17,771	1777	17,771	3554				1,777	0	17,771	3,554
5	Phường Vĩnh Bảo	4,167	15,751	1575	15,751	4167	4,200	8,400	4167	1,575	4,200	24,151	8,334
6	Phường Vĩnh Lạc	7,494	26,980	2698	26,980	7494	7,600	15,200	7494	2,698	7,600	42,180	14,988
7	Phường An Hòa	7,777	27,531	2753	27,531	5506				2,753		27,531	5,506
8	Phường An Bình	5,332	19,622	1962	19,622	3924				1,962		19,622	3,924
9	Phường Rạch Sỏi	4,318	16,277	1628	16,277	3255				1,628		16,277	3,255
10	Phường Vĩnh Lợi	2,197	8,238	824	8,238	1648				824		8,238	1,648
11	Phường Vĩnh Thông	2,447	9,765	977	9,765	1953				977		9,765	1,953
12	Xã Phi Thông	3,510	15,584	1558	15,584	3117				1,558		15,584	3,117
II	THÀNH PHỐ HÀ TIÊN	12,870	48,644	4,864	48,644	9,729	0	0	0	4,864	0	48,644	9,729
1	Phường Tô Châu	1,818	6,844	684	6,844	1369				684		6,844	1,369
2	Phường Đông Hồ	2,118	7,752	775	7,752	1550				775		7,752	1,550
3	Phường Bình San	2,794	10,462	1046	10,462	2092				1,046		10,462	2,092
4	Phường Pháo Đài	1,909	7,429	743	7,429	1486				743		7,429	1,486
5	Phường Mỹ Đức	1,903	7,617	762	7,617	1523				762		7,617	1,523
6	Xã Tiên Hải	442	1,704	170	1,704	341				170		1,704	341
7	Xã Thuận Yên	1,886	6,836	684	6,836	1367				684		6,836	1,367
III	HUYỆN KIÊN LƯƠNG	22,153	79,351	7,936	79,351	15,870	0	0	0	7,936	0	79,351	15,870
1	Thị trấn Kiên Lương	9,026	30,917	3,092	30,917	6,183				3,092		30,917	6,183

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Vật tư y tế thực hiện xét nghiệm sàng lọc (RT-PCR)			Sinh phẩm, vật tư y tế xét nghiệm test nhanh đợt 3			Tổng cộng Vật tư y tế, test thực hiện xét nghiệm sàng lọc đợt 3			
				Ống môi trường	Que tăm bông lấy mẫu	Găng tay	Test nhanh KN	Que tăm bông	Găng tay	Ống môi trường	Test nhanh KN	Que tăm bông	Găng tay

2	Xã Kiên Bình	2,364	8,364	836	8,364	1,673				836		8,364	1,673
3	Xã Hòa Điền	2,635	9,836	984	9,836	1,967				984		9,836	1,967
4	Xã Bình An	3,192	11,606	1,161	11,606	2321				1,161		11,606	2,321
5	Xã Bình Trị	1,597	6,060	606	6,060	1212				606		6,060	1,212
6	Xã Dương Hòa	1,971	7,639	764	7,639	1528				764		7,639	1,528
7	Xã Sơn Hải	674	2,495	250	2,495	499				250		2,495	499
8	Xã Hòn Nghê	694	2,434	243	2,434	487				243		2,434	487
IV	HUYỆN HÒN ĐẤT	41,928	156,770	9,823	98,218	19,644	11,991	23,982	8,519	9,823	11,991	122,200	28,163
1	Thị trấn Hòn Đất	3,513	12,676	127	1,267	253				127		1,267	253
2	Thị trấn Sóc Sơn	4,168	15,998	1,600	15,998	3,200	4376	8752	3200	1600	4376	24,750	6,400
3	Xã Bình Sơn	3,875	14,289	1,429	14,289	2,858				1429	0	14,289	2,858
4	Xã Bình Giang	3,982	14,920	1,492	14,920	2,984				1492	0	14,920	2,984
5	Xã Mỹ Thái	975	3,594	36	359	72				36	0	359	72
6	Xã Nam Thái Sơn	2,895	10,755	108	1,076	215				108	0	1,076	215
7	Xã Mỹ Hiệp Sơn	3,582	12,598	630	6,299	1,260	3,761	7522	2,520	630	3761	13,821	3,780
8	Xã Sơn Kiên	3,044	11,233	112	1,123	225				112	0	1,123	225
9	Xã Sơn Bình	2,042	8,195	82	820	164				82	0	820	164
10	Xã Mỹ Thuận	1,817	6,412	64	641	128				64	0	641	128
11	Xã Linh Huỳnh	2,334	9,349	467	4,675	935	2,451	4902	1,870	467	2451	9,577	2,805
12	Xã Thổ Sơn	3,867	14,256	1,426	14,256	2,851				1426	0	14,256	2,851
13	Xã Mỹ Lâm	4,499	17,849	1,785	17,849	3,570				1785	0	17,849	3,570
14	Xã Mỹ Phước	1,336	4,646	465	4646	929	1403	2806	929	465	1403	7,452	1,858
V	HUYỆN CHÂU THÀNH	41,025	161,230	16,125	161,230	32,246	0	0	0	16,125	0	161,230	32,246
1	Thị Trấn Minh Lương	5,793	22,838	2284	22838	4,568				2284		22,838	4,568
2	Xã Mong Thọ A	2,567	9,937	994	9937	1,987				994		9,937	1,987
3	Xã Mong Thọ B	3,669	14,267	1427	14267	2,853				1427		14,267	2,853
4	Xã Mong Thọ	2,001	8,145	815	8145	1,629				815		8,145	1,629
5	Xã Giục Tượng	4,205	16,619	1,662	16,619	3,324				1,662		16,619	3,324
6	Xã Vĩnh Hòa Hiệp	4,725	17,797	1780	17797	3,559				1780		17,797	3,559

STT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ nhân dân (hộ)	Số nhân khẩu (người)	Vật tư y tế thực hiện xét nghiệm sàng lọc (RT-PCR)			Sinh phẩm, vật tư y tế xét nghiệm test nhanh đợt 3			Tổng cộng Vật tư y tế, test thực hiện xét nghiệm sàng lọc đợt 3			
				Ống môi trường	Que tăm bông lấy mẫu	Găng tay	Test nhanh KN	Que tăm bông	Găng tay	Ống môi trường	Test nhanh KN	Que tăm bông	Găng tay
7	Xã Vĩnh Hòa Phú	3,499	14,522	1452	14522	2,904				1452		14,522	2,904
8	Xã Minh Hòa	5,069	20,195	2020	20195	4,039				2020		20,195	4,039
9	Xã Bình An	5,205	20,172	2017	20172	4,034				2017		20,172	4,034
10	Xã Thạnh Lộc	4,292	16,738	1674	16738	3,348				1674		16,738	3,348
VI	HUYỆN VINH THUẬN	22,789	82,626	8,263	82,626	16,525	0	0	0	8,263	0	82,626	16,525
1	Thị trấn Vĩnh Thuận	3,458	12,599	1260	12,599	2,520				1260		12,599	2,520
2	Vĩnh Bình Bắc	4,211	14,870	1487	14,870	2,974				1487		14,870	2,974
3	Vĩnh Bình Nam	2,535	9,260	926	9,260	1,852				926		9,260	1,852
4	Bình Minh	1,590	5,855	586	5,855	1,171				586		5,855	1,171
5	Vĩnh Thuận	3,242	12,068	1207	12,068	2,414				1207		12,068	2,414
6	Tân Thuận	2,555	9,402	940	9,402	1,880				940		9,402	1,880
7	Phong Đông	1,434	4,771	477	4,771	954				477		4,771	954
8	Vĩnh Phong	3,764	13,801	1380	13,801	2,760				1380		13,801	2,760
VII	HUYỆN GIANG THÀNH	8,220	29,308	3,100	30,356	6,072	7,212	14,424	3,482	3,100	7,212	44,780	9,553
1	Xã Phú Mỹ	1,350	5,343	534	5,343	1,069				534		5,343	1,069
2	Xã Phú Lợi	1,190	4,010	441	4,410	882	1250	2500	500	441	1,250	6,910	1,382
3	Xã Tân Khánh Hòa	1,670	6,057	670	6,700	1,340	1754	3508	701.6	670	1,754	10,208	2,042
4	Xã Vĩnh Điều	1,970	6,635	729	6,640	1,328	2068	4136	827.2	729	2,068	10,776	2,155
5	Xã Vĩnh Phú	2,040	7,263	726	7,263	1,453	2,140	4,280	1,453	726	2,140	11,543	2,906